

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LÊ THỊ KHÁNH NHƯ

**HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT
NỘI BỘ CHI PHÍ VÀ DOANH THU TẠI CÔNG
TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

*Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

*Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG*

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 1: PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN

Phản biện 2: PGS.TS. PHẠM VĂN DUYỆC

*Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn
tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp tại Đại học Đà
Nẵng vào ngày 25 tháng 11 năm 2012.*

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng*
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty TNHH MVT Cấp thoát nước Phú Yên là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập với cách lĩnh vực kinh doanh chủ yếu khai thác, kinh doanh nước sạch. Tuy nhiên, thực trạng công tác kiểm soát nội bộ về chi phí và doanh thu ở Công ty còn một số hạn chế, bất cập về môi trường kiểm soát, tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát và các thủ tục kiểm soát, chưa đảm bảo cung cấp thông tin cho nhà quản lý. Công ty có 9 Trạm nhà máy nước trực thuộc có chức năng sản xuất – kinh doanh nước sạch của từng khu vực, nhưng việc tổng hợp chi phí và doanh thu lại toàn Công ty, điều này gây ra tâm lý ỷ lại, chủ quan trông chờ vào kết quả chung toàn Công ty, không chịu trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm soát chi phí và doanh thu của Trạm. Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết trên, tôi chọn đề tài: **“Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn đề xuất những giải pháp thích hợp nhằm hoàn thiện thủ tục công tác kiểm soát chi phí và doanh thu tại đơn vị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên

Phạm vi nghiên cứu: luận văn tập trung nghiên cứu vào vấn đề kiểm soát nội bộ đối với chi phí sản xuất kinh doanh và doanh thu nước sạch tại Văn phòng Công ty và các Trạm trực thuộc.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy

vật lịch sử và các phương pháp cụ thể như phương pháp phỏng vấn, quan sát trực tiếp, thu thập thông tin tài liệu để đánh giá các thủ tục KSNB chi phí sản xuất kinh doanh và doanh thu, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các thủ tục kiểm soát chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên.

5. Bố cục đề tài

Chương 1: Những vấn đề ý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ chi phí và doanh thu trong doanh nghiệp;

Chương 2: Thực trạng kiểm soát nội bộ đối với chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên;

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện các thủ tục kiểm soát chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình làm luận văn tác giả đã tham khảo một số đề tài tương tự về kiểm soát nội bộ như: Đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ về chi phí ở công ty điện lực 3” tác giả Hoàng Thị Thanh Hải (năm 2005). Với mục đích nhằm ngăn chặn, phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, thiệt hại và đề ra các biện pháp thiết thực góp phần giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo hoạt động hiệu quả, ổn định và lâu dài tại Công ty Điện lực 3. Tác giả cũng đã nghiên cứu đề tài “Tăng cường kiểm soát nội bộ doanh thu và thu tiền bán hàng tại Công ty Cổ phần Gạch men Cosevo 75 Bình Định”, tác giả Phan Thị Mỹ Liên (năm 2010). Tác giả đã trình bày những vấn đề chung về hệ thống kiểm soát nội bộ, khái niệm, đặc điểm và nội dung của chu trình doanh thu và thu tiền bán hàng trong doanh nghiệp và sau cùng là nội dung của kiểm soát nội bộ về doanh thu và hoạt động thu tiền trong Công ty Cổ phần Gạch men Cosevo 75 Bình Định.

Tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên hoạt động kiểm soát chi phí và doanh thu còn nhiều hạn chế, chưa có đề tài nào nghiên cứu về KSNB chi phí và doanh thu của Công ty. Do đó, với đặc trưng của doanh nghiệp kinh doanh nước sạch, luận văn sẽ tập trung nghiên cứu về vấn đề: “Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên”.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ VÀ DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1.1.1. Khái niệm hệ thống kiểm soát nội bộ

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VAS 400), hệ thống KSNB là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm đảm bảo cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập BCTC trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị.

1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.3. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập nhằm thực hiện 3 mục tiêu sau: Tính tuân thủ pháp luật và các luật định; Tính tin cậy của báo cáo tài chính; Tính hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động.

1.1.4. Các bộ phận của hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống KSNB bao gồm các bộ phận sau: môi trường kiểm soát; đánh giá rủi ro; hoạt động kiểm soát; thông tin và truyền thông; giám sát.

1.1.5. Những hạn chế tiềm tàng của hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.6. Ý nghĩa của hệ thống kiểm soát nội bộ

1.2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm về chi phí

1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau. Căn cứ theo chức năng hoạt động, Căn cứ theo cách ứng xử của chi phí, Căn cứ theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận. Ngoài ra còn có các cách phân loại chi phí khác như: phân loại chi phí nội dung kinh tế ban đầu, phân loại chi phí theo quản trị.

1.2.3. Kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

a. Mục tiêu kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất kinh doanh doanh nghiệp

Việc kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp nhằm mục tiêu: Tất cả các chi phí đều được ghi nhận và ghi nhận đúng theo chế độ kế toán; Các nghiệp vụ chi phí phát sinh được xác định, cộng dồn và hạch toán một cách chính xác;

b. Thông tin phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh doanh nghiệp

Nhằm đảm bảo cho các mục tiêu được thực hiện, doanh nghiệp cần tổ chức thông tin từ các chứng từ kế toán liên quan nghiệp vụ về chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ đến tổ chức hệ thống sổ kế toán và lập báo cáo chi phí kinh doanh.

c. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất kinh doanh

◆ Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Các gian lận và sai sót thường gặp trong KSNB chi phí NVLTT: Việc tính toán, đánh giá nguyên vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh không chính xác, hoặc gian lận có chủ ý của một số người vì

lợi ích riêng;..... . Do đó, Công ty phải tổ chức thông tin KSNB chi phí NVLTT từ các chứng từ theo dõi vật tư ban đầu: Kế hoạch sản xuất; Phiếu đề nghị vật tư; Phiếu xuất kho đến các sổ kế toán: Thẻ kho, Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thiết lập các thủ tục KSNB chi phí NVLTT ở các quá trình: xuất kho nguyên liệu, vật liệu; hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

◆ *Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp:* Các gian lận và sai sót thường gặp: Tính tăng hoặc giảm công cho những người nghỉ việc;.... Do đó, Công ty cần tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ trên các chứng từ và sổ sách theo dõi: Bảng chấm công; Bảng chấm công làm thêm giờ;.... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thực hiện các thủ tục KSNB bằng: phân công, phân nhiệm trong công tác về lao động, tiền lương;....

◆ *Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất chung:* Một số gian lận và sai sót có thể xảy ra đối với những khoản mục khác như: Việc trích khấu hao dễ bị sai phạm không tuân theo đúng quy định của chế độ tài chính.

◆ *Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí hoạt động:* Các gian lận và thủ tục kiểm soát chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tương tự kiểm soát chi phí sản xuất chung.

1.3. KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Khái niệm và nội dung doanh thu trong doanh nghiệp

1.3.2. Các chức năng chính của chu trình bán hàng

Chức năng chính của chu trình bán hàng là: xử lý đặt hàng; xét duyệt bán chịu; chuyển giao hàng hóa; lập hóa đơn; xử lý và ghi sổ các khoản về doanh thu.

1.3.3. Các rủi ro chủ yếu xảy ra trong chu trình bán hàng

Các rủi ro thường xảy ra trong chu trình: Công ty không có sẵn hay không có khả năng cung cấp; Khách hàng không có khả năng thanh toán hoặc thường xuyên thanh toán trễ hạn; chuyển hàng hóa không đúng địa điểm và không đúng khách hàng; ...

1.3.4. Kiểm soát nội bộ đối với doanh thu trong doanh nghiệp

a. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với doanh thu

Kiểm soát doanh thu trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo các mục tiêu: Nghiệp vụ bán hàng đã ghi sổ là phải có căn cứ hợp lý; Các nghiệp vụ tiêu thụ phải được phê chuẩn và cho phép một cách đúng đắn, đều được ghi sổ đầy đủ; ...

b. Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát nội bộ doanh thu

Nhằm đảm bảo cho các mục tiêu được thực hiện thì doanh nghiệp cần tổ chức thông tin: Phiếu tiêu thụ; Chứng từ vận chuyển; Hóa đơn bán hàng; Sổ nhật ký bán hàng; ...

c. Quy trình kiểm soát nội bộ đối với doanh thu

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thiết lập các thủ tục KSNB: Kiểm tra tiếp nhận và xử lý đơn hàng; Phê chuẩn phương thức bán chịu; Xuất kho hàng hóa; Chuyển giao hàng hóa;

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, luận văn đã trình bày những vấn đề lý luận chung về KSNB chi phí và doanh thu trong doanh nghiệp, và đây sẽ là cơ sở để luận văn nghiên cứu thực trạng công tác KSNB đối với chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện ở chương sau.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI CHI PHÍ VÀ DOANH THU TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên được thành lập vào ngày 28/09/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày đêm. Năm 2000 công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo quyết định số 2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên với tổng công suất thiết kế là 46.100m³/ngày đêm.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

Với chức năng: Quản lý việc đầu tư xây dựng cơ bản hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân và các đơn vị, ... do đó nhiệm vụ Công ty: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho công trình;... Trong đó doanh thu về khai thác, xử lý và phân phối nước sạch là chủ yếu.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

a. Đặc điểm sản phẩm

Quá trình sản xuất nước sạch được trải qua các giai đoạn từ công đoạn thu đến công đoạn cung cấp nước sạch tại đồng hồ tổng sau nhà máy sản xuất.

b. Đặc điểm chi phí sản xuất sản phẩm

Chi phí sản xuất bao gồm chi phí NVLTT; Chi phí NCTT; Chi phí SXC, và Công ty hạch toán trực tiếp cho từng nhà máy nước.

c. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành

Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là sản phẩm nước ghi thu.

d. Đặc điểm thị trường tiêu thụ

Đặc điểm của sản xuất kinh doanh ngành nước thì quá trình sản xuất, truyền dẫn, phân phối và tiêu thụ nước diễn ra đồng thời, người bán phải đưa nước đến tận ngưỡng hộ tiêu thụ thông qua mạng lưới đường ống phân phối. Giá của sản phẩm nước do Sở tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2.1.4. Tổ chức kế toán tại Công ty

a. Mô hình tổ chức kế toán

Bộ máy kế toán Công ty tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.

b. Hình thức kế toán

Công ty tổ chức sổ kế toán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”.

2.2. GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng. Với cơ cấu này Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty, giúp việc cho Giám đốc là 2 phó Giám đốc và các Phòng chức năng như: Phòng Kế toán – tài vụ, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch – vật tư, Phòng Kỹ thuật.

2.2.2. Chính sách nhân sự

2.2.3. Công tác lập kế hoạch

2.2.4. Các nhân tố bên ngoài

2.3. THỰC TRẠNG CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

2.3.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ chi phí

Công ty đã xây dựng các mục tiêu kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh cụ thể như sau: Các chi phí phát sinh đều được ghi nhận; Các chi phí được ghi nhận phải đúng theo chế độ kế toán và thực sự phát sinh cho hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch; Một số chi phí có định mức thì được ghi nhận theo đúng định mức. Các chi phí không có định mức thì ghi nhận theo thực tế phát sinh nhưng phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ; Các chi phí được ghi nhận theo đúng khoản mục chi phí. Bên cạnh đó, Công ty cần tổ chức sản xuất phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường sống xung quanh.

2.3.2. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất kinh doanh

a. Thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

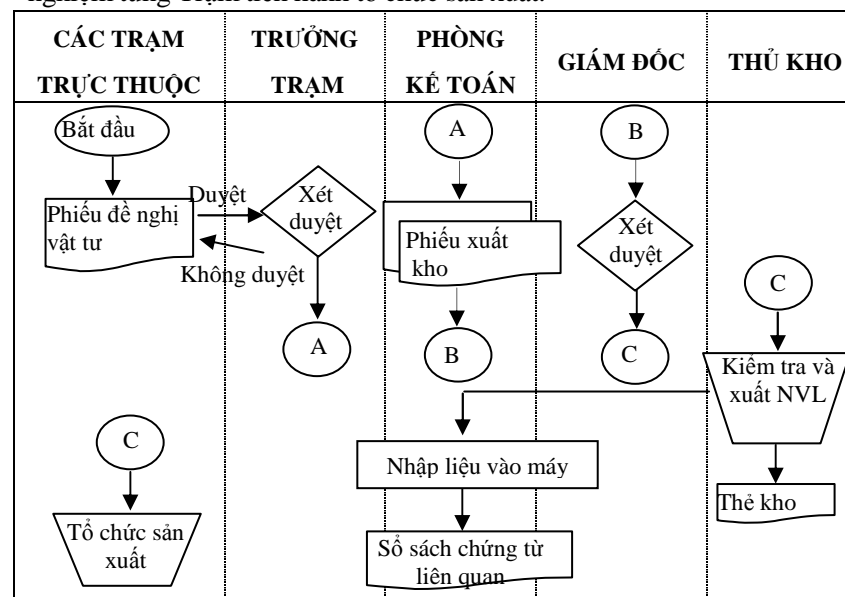
◆ **Nội dung kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở Công ty:** Theo dõi, kiểm tra về số lượng và chất lượng, tình trạng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho phục vụ cho sản xuất; Quan sát việc quản lý, bảo quản vật tư; Định kỳ kiểm kê vật tư đối chiếu sổ sách kế toán đưa ra những giải pháp kịp thời;

◆ **Tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Các chứng từ và sổ sách theo dõi vật tư ban đầu bao gồm: Kế hoạch sản xuất; Phiếu đề nghị vật tư; Phiếu xuất kho; Thẻ kho; Sổ chi tiết vật liệu, Sổ cái TK 152, Bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu.

◆ Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

❖ **Kiểm soát nội bộ quá trình xuất kho nguyên vật liệu trực tiếp:** Quá trình KSNB quá trình xuất kho NVLTT được thể hiện theo Sơ đồ 2.5: (1) Bộ phận hóa nghiệm của từng nhà máy sẽ xây dựng định mức nguyên vật liệu (hóa chất, cát lọc, sỏi lọc) cho cả năm; (2) Hàng tháng, Bộ phận hóa nghiệm ở các nhà máy lập Phiếu đề nghị vật tư; (3) Kế toán

vật tư Phòng Kế toán Công ty căn cứ vào khối lượng trên Phiếu đề nghị vật tư viết Phiếu xuất kho và lập thành 2 liên; (4) Thủ kho sau khi kiểm tra Phiếu đề nghị vật tư, Phiếu xuất kho sẽ tiến hành xuất kho theo khối lượng, chủng loại yêu cầu ghi trên Phiếu xuất kho; (5) Bộ phận hóa nghiệm từng Trạm tiến hành tổ chức sản xuất.



Sơ đồ 2.5 : Lưu đồ kiểm soát quá trình xuất kho nguyên vật liệu

Nhận xét và nhược điểm của quy trình

- Thời gian lập Phiếu đề xuất vật tư đến khi nhận được vật tư phục vụ cho sản xuất không tuân theo quy định Công ty;

- Không có riêng bộ phận theo dõi số lượng vật tư xuất dùng cho sản xuất tại các Trạm trực thuộc.

❖ **Kiểm soát nội bộ quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** KSNB quá trình hạch toán chi phí NVLTT được thể hiện theo quy trình sau: (1) Tại Công ty, Phòng Kế toán - tài vụ phụ trách lập Phiếu nhập và Phiếu xuất kho nguyên vật liệu trực tiếp dùng

cho sản xuất; (2) Từ Phiếu đề nghị vật tư, Kế toán vật tư tiến hành kiểm tra các yếu tố trên chứng từ có hợp lý và đúng theo quy định Công ty, tiến hành lập Phiếu xuất kho; (3) Định kỳ (tháng, quý) Kế toán vật tư đối chiếu với Thủ kho Công ty để xem xét số lượng vật tư xuất trong kỳ có đúng không; (4) Cuối kỳ lập báo cáo chi phí.

Nhận xét quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Để thuận tiện hơn trong quá trình quản lý, theo dõi Nhập - Xuất vật tư hóa chất, thì việc lập Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho cần giao cho Phòng Kế hoạch - vật tư rồi sau đó chuyển sang Phòng Kế toán - tài vụ để nhập liệu vào phần mềm, tính chi phí sản xuất trong kỳ.

- Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chiếm 25% nên Công ty phải có một khoản kinh phí lớn để thanh toán tiền điện trong thời gian cao điểm.

b. Thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí nhân công trực tiếp

◆ *Các nội dung kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp ở Công ty:* Ngăn chặn và phát hiện các sai phạm như thanh toán tiền lương cho các công nhân không có thực hoặc tiếp tục thanh toán lương khi họ đã nghỉ việc; Phải tuân thủ các luật lệ, quy định của Nhà nước có liên quan đến quản lý lao động và tiền lương.

◆ *Tổ chức thông tin kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp:* Các chứng từ và sổ sách theo dõi nhân công trực tiếp tại công ty bao gồm: Bảng chấm công; Bảng thanh toán tiền lương; Bảng thanh toán lương làm thêm giờ; Sổ chi tiết TK 622, Sổ cái TK 622.

◆ *Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty*

❖ Kiểm soát nội bộ chi phí nhân công trực tiếp tại các Trạm trực thuộc: Quá trình kiểm soát nội bộ chi phí NCTT các Trạm trực

thuộc được thể hiện như sau: (1) Phòng Tổ chức hành chính chịu trách nhiệm tuyển dụng công nhân; (2) Các đơn vị trực thuộc tiến hành kiểm tra, theo dõi chấm công, chấm điểm mức độ hoàn thành công việc theo thành tích ABC của đơn vị mình trên Bảng chấm công; (3) Kế toán các Trạm trực thuộc ở các huyện dựa vào Bảng chấm công, tiến hành tính lương chính, tiền lương làm thêm giờ, các khoản trích theo lương. (4) Cuối tháng, riêng Trạm sản xuất tại Công ty chuyển Bảng chấm công lên Phòng Tổ chức - hành chính. (5) Người lập Bảng thanh toán lương, Bảng thanh toán lương làm thêm giờ và trưởng phòng Tổ chức - hành chính ký xác nhận vào chứng từ lương tại Trạm sản xuất Công ty và chuyển Giám đốc duyệt cùng với các chứng từ lương của các Trạm trực thuộc.

❖ Kiểm soát nội bộ quá trình hạch toán tại Phòng Kế toán - tài vụ: KSNB quá trình hạch toán tại Phòng Kế toán - tài vụ được thể hiện theo quy trình sau: (1) Kế toán tổng hợp Phòng Kế toán - tài vụ nhận được Bảng thanh toán lương, Bảng thanh toán lương làm thêm giờ của các đơn vị trực thuộc, bộ phận, lập Bảng thanh toán lương, Bảng thanh toán lương làm thêm giờ của toàn Công ty; (2) Kế toán tổng hợp nhập liệu vào máy, hạch toán chi phí nhân công trực tiếp và chuyển cho Kế toán thanh toán; (3) Kế toán thanh toán viết Phiếu chi, thanh toán lương cho các bộ phận bằng chuyển khoản.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

- Phòng Tổ chức - Hành chính kiêm nhiệm vụ tuyển dụng và tính tiền lương cho bộ phận sản xuất tại Công ty.

- Tại các Trạm trực thuộc, kế toán kiêm nhiệm vụ vừa là người lập Bảng thanh toán lương vừa là người tính lương.

c. Thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí sản xuất chung

◆ *Các nội dung kiểm soát chi phí sản xuất chung ở Công ty:*

Đối với nhân công cần theo dõi về thời gian làm việc của các nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ để chi trả lương; Đối với chi phí khấu hao TSCĐ cần tiến hành theo dõi việc trích phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ đúng theo chế độ, qui định; Đối với các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền, đây là những khoản mục chi phí dễ xảy ra gian lận và sai sót. Do vậy đối với khoản mục chi phí này yêu cầu quản lý khá chặt chẽ.

◆ *Các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung ở Công ty:*

Đối với chi phí tiền lương, quá trình kiểm soát tương tự như các bước trong chi phí nhân công trực tiếp. Tuy nhiên tiền lương và các khoản trích theo lương của Trưởng Trạm, Công ty lại hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Đối với chi phí KH TSCĐ: Phần hành tính khấu hao TSCĐ trong phần mềm kế toán không tính được khấu hao theo ngày, do đó việc đưa TSCĐ, MMTB mới vào sử dụng thường chờ đến đầu tháng mới bắt đầu tính khấu hao, điều này ảnh hưởng đến việc đưa chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất do khấu hao không đủ.

d. Thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí hoạt động

Do mang nội dung và tính chất tương tự chi phí sản xuất chung nên các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí hoạt động tương tự nội dung kiểm soát chi phí sản xuất chung, được thể hiện trên Sổ chi tiết TK 641, TK 642 và tổng hợp trên Sổ cái TK 641, TK 642.

2.3.3. Những hạn chế trong các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí tại Công ty

Thủ tục kiểm soát chi phí được Công ty đề ra, tuy nhiên việc thực hiện các thủ tục kiểm soát chi phí chưa đầy đủ và vẫn còn đang thực hiện theo quy trình kế toán, chưa có sự đối chiếu giữa các bộ phận liên quan:

- Công tác bảo quản và xuất kho hóa chất phục vụ cho sản xuất chưa được thực hiện chặt chẽ.

- Việc phê chuẩn Phiếu xuất kho chưa đảm bảo nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

- Chức năng nhân sự với chức năng lập Bảng thanh toán lương chưa tách riêng được.

- Chưa có sự đối chiếu giữa số lượng tài sản đang sử dụng và tài sản không sử dụng chờ thanh lý.

Bên cạnh đó, hệ thống thông tin phục vụ cho KSNB chi phí cũng cần được hoàn thiện ở các vấn đề sau:

- Một số chứng từ, sổ sách chưa giúp cho việc hạch toán và kiểm soát nội bộ chi phí.

- Chương trình phần mềm quản lý của Công ty chưa được kết nối toàn Công ty.

2.4. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI DOANH THU TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

2.4.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với doanh thu

Việc kiểm soát doanh thu phải đáp ứng được các mục tiêu sau: Doanh thu đã được ghi nhận trên sổ phải có căn cứ hợp lý; Tất cả các khoản doanh thu đều được ghi chép đầy đủ; Doanh thu phải được đánh giá, phân loại đúng đắn, và được phản ánh đúng lúc và đúng kỳ; Công tác kiểm soát doanh thu vô cùng quan trọng vì nó ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

2.4.2. Thủ tục kiểm soát nội bộ đối với doanh thu tại các Trạm trực thuộc

a. Kiểm soát giai đoạn kí kết hợp đồng dịch vụ cấp nước

Thủ tục kiểm soát căn cứ vào thông tin khách hàng khai báo.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

- Điều kiện thanh toán khách hàng chưa được kiểm tra kỹ;

- Việc xác định đối tượng để áp giá chưa được chính xác;
- Ngoài ra, việc không kiểm tra, kiểm soát kỹ thông tin khách hàng, có thể gây ra tình trạng khách hàng khai không đúng hoặc giả mạo giấy tờ đối tượng ưu tiên (hộ nghèo) để hưởng ưu đãi;
- Và việc đánh số thứ tự trên Giấy đăng ký sử dụng nước máy của khách hàng chưa được nhân viên thực hiện.

b. Kiểm soát giai đoạn khảo sát và lắp đặt

Căn cứ vào Giấy đăng ký sử dụng nước máy, Sổ theo dõi, Bản vẽ thi công hoàn chỉnh, Hợp đồng khảo sát – thiết kế, lắp đặt, cải tạo hệ thống cấp nước, Hợp đồng cung ứng và tiêu thụ nước máy, Phiếu chuyển thi công, Bộ phận xây lắp triển khai thi công. Kiểm soát căn cứ vào Hợp đồng khảo sát – thiết kế, lắp đặt, cải tạo hệ thống cấp nước, Hợp đồng cung ứng và tiêu thụ nước máy, Phiếu chuyển thi công và Biên bản xác nhận lắp đặt và niêm chì đồng hồ đo nước.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

Giai đoạn khảo sát - thiết kế này chỉ được thực hiện đối với khách hàng là tổ chức; còn khách hàng là cá nhân, NV QHKH tìm hiểu vị trí cần lắp đặt đồng hồ trên Giấy đăng ký sử dụng nước máy mà khách hàng đã kê khai thông tin và quyết định việc đi khảo sát hay không.

c.. Kiểm soát công tác ghi chỉ số đồng hồ

Thủ tục kiểm soát căn cứ vào Danh sách khách hàng tiêu thụ nước mới, Danh sách khách hàng tiêu thụ nước tháng trước, Bảng ghi chỉ số đồng hồ đo nước, Kế hoạch phát hành, giao nhận và quyết toán hóa đơn.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

- Việc thực hiện giai đoạn này rất dễ xảy ra sai sót nhầm lẫn và cả sự gian lận do NV GT tiền nước thông đồng với khách hàng nhưng hiện nay lại không có sự kiểm soát của bất kỳ bộ phận nào trong công ty

làm ảnh hưởng đến sự đánh giá doanh thu và gây bất lợi người tiêu dùng và cho cả công ty.

- Do lượng khách hàng lớn, công ty đã bỏ qua việc kiểm soát ghi chỉ số ở giai đoạn này, nên việc sai sót thường xảy ra đặc biệt là đối với những hộ không có người ở nhà.

d. Kiểm soát giai đoạn cập nhật chỉ số đồng hồ đo nước

Công tác kiểm soát căn cứ vào Bảng ghi chỉ số đồng hồ đo nước để cập nhật vào phần mềm, phục vụ cho việc phát hành Hóa đơn tiền nước.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

- Trong giai đoạn này, nhân viên cập nhật chỉ số đồng hồ và thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát là cùng một người.

- Sau khi nhập liệu xong, việc kiểm tra số liệu lại do chính NV QLKH Trạm nhập, do đó không khách quan.

2.4.3. Thủ tục kiểm soát nội bộ đối với doanh thu tại Văn phòng Công ty

a. Thủ tục kiểm soát công tác tính tiền, lập và in Hóa đơn tiền nước

Kiểm soát số liệu trên Hóa đơn tiền nước và Giấy báo thanh toán tiền nước.

Nhận xét, đánh giá rủi ro có thể xảy ra đối với quy trình

- Tại giai đoạn này, các Trạm trực thuộc khi nhập thông tin vào phần mềm thường xảy ra sai sót như: loại khách hàng, mục đích sử dụng, đối tượng được ưu tiên.

- Các Hóa đơn tiền nước và Bảng kê giao nhận hóa đơn tiền nước trước khi phát hành chỉ mới có sự kiểm tra số lượng hóa đơn giữa Bộ Phận QLKH - phòng Kinh doanh Công ty và NV QLKH các Trạm hoặc NV GT tại Công ty.

* Ngoài ra, việc đánh giá đúng doanh thu còn chịu ảnh hưởng bởi độ chính xác của thiết bị đo đếm khối lượng nước mà ở đây cụ thể là đồng hồ nước.

b. Thủ tục kiểm soát ghi nhận doanh thu tiền nước trong kỳ

Căn cứ vào Bảng quyết toán tiền nước và Bảng quyết toán khối lượng là chứng từ quan trọng để ghi nhận doanh thu.

2.4.4. Những hạn chế trong các thủ tục kiểm soát nội bộ về doanh thu tại Công ty

Hệ thống KSNB doanh thu tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần tiếp tục được hoàn thiện:

- Trong quá trình ký kết hợp đồng, thông tin khách hàng được kiểm tra một cách đơn giản, còn mang tính hình thức.
- Ngoài ra, Công ty chưa có bộ phận độc lập để kiểm tra, kiểm soát nhằm tránh sai sót và gian lận trong việc ghi chỉ số nước và nhập chỉ số nước để tính toán hóa đơn tiền nước.
- Hiện nay, thời điểm ghi nhận doanh thu tại Công ty chưa kịp thời và không đảm bảo nguyên tắc đánh giá đúng kỳ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Việc phân tích và đánh giá thực trạng kiểm soát nội bộ đối với chi phí và doanh thu tiền nước tại Công ty cho thấy các yếu tố này đã góp phần quan trọng cho việc kiểm soát chi phí và doanh thu tiền nước tại Công ty. Tuy nhiên cũng cần đánh giá khách quan rằng cơ cấu và hoạt động của hệ thống kiểm soát tại Công ty chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra cho chính hệ thống này, từ đó làm cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí và doanh thu tiền nước trong chương 3.

CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ VÀ DOANH THU TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ VÀ DOANH THU TẠI CÔNG TY

Giá mua các yếu tố đầu vào ngày càng cao nhưng Công ty không thể tự quyết định giá bán, giá bán vài năm mới điều chỉnh một lần, từ đây đã phát sinh ra vấn đề quản lý làm sao để Công ty không bị lỗ. So với các đơn vị cùng ngành trong khu vực thì hiệu quả hoạt động kinh doanh còn thấp, chi phí đầu vào cao (nhất là chi phí điện năng), giá bán nước sạch chưa khuyến khích được người dân tham gia sử dụng nước máy, doanh thu còn thấp.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

3.2.1. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty cần hoàn thiện các thủ tục KSNB về chi phí NVL TT bằng cách: Phiếu đề nghị vật tư cần có sự phê duyệt của Trưởng Trạm; Phiếu đề nghị vật tư của các Trạm trực thuộc trình Trưởng Phòng Kế hoạch – vật tư để xét duyệt loại, khối lượng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, rồi mới viết Phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho lúc này được lập thành 4 liên; Định kỳ Kế toán vật tư sẽ đối chiếu với Thủ kho, với nhân viên phụ trách nguyên vật liệu Phòng Kế hoạch – vật tư và Bộ phận hóa nghiệm ở các Trạm để xem xét số lượng vật tư xuất trong kỳ có đúng không.

3.2.2. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí nhân công trực tiếp

Quy trình hoàn thiện thủ tục KSNB về chi phí NCTT thể hiện như sau: dựa trên Bảng chấm công của Trạm sản xuất tại trụ sở Công ty, Phòng Kế toán – tài vụ thực hiện chức năng tính lương và các khoản trích theo lương cho Trạm này, Phòng Tổ chức – hành chính thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát lại Bảng thanh toán tiền lương và Bảng thanh toán làm thêm giờ của các Trạm sản xuất nước; Hiện nay việc tính lương cho công nhân được thực hiện trên Excel, khác biệt với phần mềm kế toán. Do đó, công ty nên kết nối phần mềm tính lương với phần mềm quản lý nhân sự và phần mềm kế toán để thuận tiện trong việc theo dõi nhân sự và phần mềm tính lương này sẽ do NV kế toán tại các Trạm trực thuộc quản lý.

3.2.3. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ về chi phí sản xuất chung

Đối với Chi phí nhân công: tiền lương của Trưởng Trạm đang được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, cần đưa vào chi phí Nhân viên quản lý Trạm hạch toán chi phí sản xuất chung; Chi phí khấu hao TSCĐ: Công ty cần nâng cấp phần mềm quản lý TSCĐ để tính khấu hao theo ngày, trước mắt tạm thời Công ty tiến hành tính phần khấu hao theo ngày trên phần mềm Excel, sau đó nhập vào phần mềm quản lý TSCĐ; Chi phí văn phòng phẩm: cần thực hiện khoán định mức chi phí này cho các Trạm trực thuộc phù hợp với đặc thù hoạt động của từng Trạm.

3.2.4. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát bội bộ về chi phí hoạt động

Công ty cần xây dựng định mức một số khoản chi phí (chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách, ...) cụ thể như sau: Công ty cần quy định rõ tổng mức chi tiếp khách tại Văn phòng Công ty được quyền chi là bao nhiêu trong một kỳ kinh doanh, và cũng quy định rõ các cá nhân phụ trách quản lý được phép là bao nhiêu.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỦ TỤC KIỂM SOÁT DOANH THU TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

3.3.1. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ về doanh thu tại các Trạm

a. Hoàn thiện kiểm soát quá trình ký kết hợp đồng

Công ty cần hoàn thiện thủ tục kiểm soát quá trình ký kết hợp đồng như sau:

- Hoàn thiện kiểm soát thông tin khách hàng và giấy tờ ưu tiên: yêu cầu khách hàng công chứng một số giấy tờ, có sự xác nhận của địa phương như Giấy ưu tiên, Sổ hộ khẩu để đối chiếu với các thông tin khách hàng đã khai báo trên hợp đồng.

- Hoàn thiện thông tin trên Giấy đăng ký sử dụng nước máy: đánh số liên tục trên Giấy đăng ký sử dụng nước và vào Sổ theo dõi để thuận tiện trong việc tra cứu, kiểm soát, tránh sự thất lạc.

b. Hoàn thiện kiểm soát giai đoạn khảo sát lắp đặt

Công ty cần hoàn thiện thêm các thủ tục sau:

- Kiểm soát giai đoạn khảo sát: Trưởng trạm và Phó Giám đốc Kinh doanh cần kiểm tra kỹ các thông tin trên Hợp đồng và các giấy tờ ưu tiên khi ký Hợp đồng.

- Kiểm soát giai đoạn lắp đặt: Trưởng Trạm cần giao nhiệm vụ cụ thể bằng Phiếu chuyển thi công, trên Phiếu này cần ghi rõ thêm Khách hàng (tổ chức hay cá nhân), Mục đích sử dụng, Loại đồng hồ đo nước, tên công nhân lắp đặt, số Hợp đồng.

c. Hoàn thiện kiểm soát công tác ghi chỉ số

- Đảm bảo công tác ghi chỉ số được thực hiện đúng quy định, Công ty nên thành lập Tổ phúc tra.

- NV GT kết hợp việc ghi chỉ số nước để kiểm soát số lượng Hợp đồng tiêu thụ nước đã ký kết, những trường hợp khách hàng thay

đổi mục đích sử dụng nước, số hộ dùng chung, giá nước và sản lượng tiêu thụ nước trên hóa đơn chênh lệch so với thực tế.

- Đối với khách hàng có khối lượng tiêu thụ nước lớn, Công ty nên tiến hành ghi chỉ số nước nhiều lần trong một tháng.

d. Hoàn thiện kiểm soát cập nhật chỉ số đồng hồ đo nước

Hạn chế sai sót trong việc cập nhật chỉ số, sau khi NV QLKH cập nhật chỉ số xong, Tổ trưởng Tổ ghi thu kiểm tra, đối chiếu giữa chỉ số trên Bảng ghi chỉ số đồng hồ của NV GT với dữ liệu vừa được nhập xong.

3.3.2. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát nội bộ doanh thu tại Văn phòng Công ty

a. Hoàn thiện kiểm soát công tác tính tiền, lập và in Hóa đơn tiền nước

Trên trang web Công ty bổ sung thêm mục Tra cứu chỉ số đồng hồ, tạo điều kiện khách hàng thuận tiện trong tra cứu thông tin.

b. Hoàn thiện kiểm soát ghi nhận doanh thu tiền nước trong kỳ

Để đảm bảo nguyên tắc kiểm soát, trong điều kiện hiện nay Công ty chưa có giải pháp hợp lý để thay thế phương pháp ghi chỉ số nước thủ công thì khi tính doanh thu Công ty nên tách doanh thu đúng theo tháng phát sinh, doanh thu phát sinh ở thời điểm nào thì được tính vào thời điểm đó để đảm bảo đúng sản lượng nước tiêu thụ phát sinh thực tế từng tháng. Sau khi ghi khối lượng nước rồi tiến hành nhập chỉ số để tính toán số tiền nước tiêu thụ thì ta có thể sử dụng phương pháp bình quân để tính được một cách tương đối doanh thu phát sinh trong từng kỳ.

3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

3.4.1. Kiến nghị về hoàn thiện môi trường kiểm soát

a. Hoàn thiện công tác phân cấp quản lý giữa các đơn vị

Trong thời gian tới, Công ty cần phân cấp mạnh hơn cho các Trạm, cụ thể: Giao quyền chủ động trong việc lập kế hoạch, tuyển dụng nhân sự cũng như việc phát triển và ký kết các Hợp đồng tiêu thụ nước; Thực hiện trả lương cho nhân viên các Trạm theo doanh thu của từng Trạm; Phản ánh kịp thời doanh thu và chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh, tự chủ trong việc lập Kế hoạch phát hành, quyết toán hóa đơn.

b. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ

Công ty cần thiết phải hình thành bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện việc giám sát và kiểm tra đánh giá thường xuyên toàn bộ hoạt động kế toán của Công ty, trong đó tập trung KSNB về chi phí sản xuất và doanh thu.

c. Hoàn thiện công tác kế hoạch, dự toán

Để hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí và doanh thu, Công ty cần có các dự toán cụ thể:

- Dự toán tiêu thụ: Căn cứ vào khối lượng tiêu thụ thực tế kỳ trước, dự đoán tốc độ tăng bình quân hàng năm khách hàng tiêu thụ nước mới năm nay và tình hình phát triển kinh tế của địa phương trong năm, theo Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá nước tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn.

- Dự toán sản xuất: Căn cứ vào tình hình mạng cấp nước tiêu thụ thực tế tại Công ty, quy định về tỷ lệ nước hao hụt theo Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN và Sản lượng nước tiêu thụ bình quân dự kiến.

- Dự toán chi phí NVLTT: Dựa vào định mức vật liệu cho sản xuất nước sạch thực hiện theo quyết định số 14/2004/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức dự toán công tác sản xuất nước sạch và theo đơn giá thực tế phát sinh của các loại NVL.

- Dự toán chi phí NCTT: Theo Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN.

- Dự toán chi phí SXC: Theo Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN, theo định biên lao động tại Công ty, theo chi phí thực tế phát sinh tại Công ty.

- Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Theo Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN.

3.4.2. Kiến nghị về hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát

a. Chứng từ kế toán

Công ty nên thêm vào chứng từ một số yếu tố mang tính chất kiểm soát như tăng cường phần xét duyệt của những người quản lý có trách nhiệm hoặc bổ sung những yếu tố giúp công tác đối chiếu: Phiếu đề nghị vật tư; Phiếu xuất kho theo hạn mức được thiết kế lại.

b. Sổ sách

Mẫu sổ theo dõi, quản lý công cụ dụng cụ được hoàn thiện và ban hành thống nhất cho các Trạm trực thuộc trong Công ty và phải có xác nhận của Bộ phận sử dụng.

Bên cạnh hệ thống thông tin qua mạng, định kỳ hàng tháng, quý, năm, đơn vị tiến hành gửi các báo cáo theo hệ thống mẫu biểu quy định. Đây được coi là hệ thống báo cáo kế toán có tính pháp lý cao, là cơ sở cho việc lập báo cáo tổng hợp toàn Công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua tìm hiểu thực trạng KSNB chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, từ những hạn chế của các thủ tục KSNB, luận văn đề xuất một số giải pháp gồm: Giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí; Giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát doanh thu; Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát; Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ KSNB chi phí và doanh thu.

KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ phạm vi nghiên cứu, luận văn cơ bản đã giải quyết được một số vấn đề sau:

- Luận văn đã trình bày lý luận cơ bản về hệ thống KSNB, đồng thời làm rõ hơn những lý luận về KSNB đối với chi phí và doanh thu tại Công ty;

- Luận văn đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế về KSNB đối với chi phí và doanh thu tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên;

- Trên cơ sở lý luận và thông qua thực tế công tác KSNB đối với chi phí và doanh thu tại Công ty, luận văn đã đưa ra được những giải pháp hoàn thiện KSNB chi phí và doanh thu trên cả ba phương diện: hoàn thiện môi trường kiểm soát, hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán và hoàn thiện các thủ tục KSNB chi phí và doanh thu tiền nước;

- Kết quả của luận văn có thể áp dụng thực tế trong công tác KSNB chi phí và doanh thu tiền nước tại Công ty, phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp kinh doanh nước sạch.